

Số: 23/2020/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 06 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 35/BCTT-KTNS ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 héc ta đất trồng lúa: Tổng số có 647 công trình, diện tích 1.029,68 héc ta;

2. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: Tổng số có 26 công trình, diện tích 63,90 héc ta;

3. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất: Tổng số có 217 công trình, diện tích 990,16 héc ta;

4. Các công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Tổng số có 1.490 công trình thuộc diện Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, với tổng diện tích là 10.173,05 héc ta.

(Có Phụ lục và Danh mục cụ thể ban hành kèm theo)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua tại Danh mục kèm theo này mà không có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trong năm 2021 thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XII Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính; Bộ TN&MT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, ĐB HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBĐQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỷ họp.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2020/NĐ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: tổng số có 647 công trình với diện tích 1.029,68 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: có 20 công trình, diện tích 16,19 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 3,79 héc ta;
- Huyện Hoài Ân: có 38 công trình, diện tích 21,53 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 9,92 héc ta;
- Thị xã Hoài Nhơn: có 135 công trình, diện tích 251,67 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 138,74 héc ta;
- Huyện Phù Cát: có 84 công trình, diện tích 157,76 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 73,86 héc ta;
- Huyện Phù Mỹ: có 36 công trình, diện tích 66,23 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 17,89 héc ta;
- Huyện Tuy Phước: có 107 công trình, diện tích 150,13 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 65,86 héc ta;
- Huyện Tây Sơn: có 61 công trình, diện tích 114,17 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 67,77 héc ta;
- Huyện Vân Canh: có 13 công trình, diện tích 15,32 héc ta; trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 11,77 héc ta;
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 11 công trình, diện tích 3,45 héc ta; trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 2,7 héc ta;
- Thị xã An Nhơn: có 118 công trình, diện tích 160,69 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 112,63 héc ta;
- Thành phố Quy Nhơn: có 24 công trình, diện tích 72,56 héc ta, trong đó sử dụng vào mục đích đất ở là 42,13 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất:

a) *Sử dụng vào mục đích nông nghiệp*: có 28 công trình, với diện tích 44,13 héc ta, bao gồm:

- Thị xã Hoài Nhơn: 04 công trình, với diện tích 8,97 héc ta;
- Huyện Phù Cát: 03 công trình, với diện tích 3,92 héc ta;
- Huyện Phù Mỹ: 03 công trình, với diện tích 15,07 héc ta;

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ
DỤNG DƯỚI 50 HÉC TA ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2020/NĐ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)



Các công trình, dự án sử dụng dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất: tổng số có 217 công trình với diện tích 990,16 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: có 18 công trình, diện tích 117,76 héc ta;
- Huyện Hoài Ân: có 22 công trình, diện tích 30,56 héc ta;
- Thị xã Hoài Nhơn: có 44 công trình, diện tích 229,53 héc ta;
- Huyện Phù Cát: có 27 công trình, diện tích 56,95 héc ta;
- Huyện Phù Mỹ: có 14 công trình, diện tích 82,64 héc ta;
- Huyện Tuy Phước: có 11 công trình, diện tích 34,95 héc ta;
- Huyện Tây Sơn: có 34 công trình, diện tích 190,07 héc ta;
- Huyện Vân Canh: có 19 công trình, diện tích 136,97 héc ta;
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 02 công trình, diện tích 16,23 héc ta;
- Thị xã An Nhơn: có 10 công trình, diện tích 11,01 héc ta;
- Thành phố Quy Nhơn: có 16 công trình, diện tích 83,48 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

a) Sử dụng vào mục đích nông nghiệp: có 25 công trình, diện tích 204,84 héc ta, bao gồm:

- Thị xã Hoài Nhơn: 03 công trình, diện tích: 9,68 héc ta;
- Huyện Phù Cát: 07 công trình, diện tích: 28,31 héc ta;
- Huyện Phù Mỹ: 03 công trình, diện tích: 30,7 héc ta;
- Huyện Tây Sơn: 10 công trình, diện tích: 126,63 héc ta;
- Huyện Vân Canh: 01 công trình, diện tích: 8,52 héc ta;
- Thành phố Quy Nhơn: 01 công trình, diện tích: 1,0 héc ta;

b) Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: có 192 công trình với diện tích 785,32 héc ta, gồm:

- Đất quốc phòng: 07 công trình, diện tích 57,55 héc ta;

- Huyện Tuy Phước: 05 công trình, với diện tích 2,74 héc ta;
- Huyện Tây Sơn: 04 công trình, với diện tích 10,88 héc ta;
- Thị xã An Nhơn: 04 công trình, với diện tích 2,55 héc ta.

b) Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: có 619 công trình, với diện tích 985,55 héc ta, bao gồm:

- Đất quốc phòng: 02 công trình, diện tích 3,15 héc ta;
- Đất an ninh: 11 công trình, diện tích 5,66 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng: 309 công trình, diện tích 252 héc ta; bao gồm:
 - + Đất cơ sở văn hóa: 06 công trình, diện tích 3,42 héc ta;
 - + Đất cơ sở y tế: 04 công trình, diện tích 0,97 héc ta;
 - + Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: 25 công trình, diện tích 5,29 héc ta;
 - + Đất cơ sở thể dục - thể thao: 08 công trình, diện tích 2,62 héc ta;
 - + Đất giao thông: 178 công trình, diện tích 166,52 héc ta;
 - + Đất thủy lợi: 42 công trình, diện tích 36,22 héc ta;
 - + Đất công trình năng lượng: 42 công trình, diện tích 34,51 héc ta;
 - + Đất xây dựng chợ: 04 công trình, diện tích 2,45 héc ta;
- Đất di tích lịch sử - văn hóa: 03 công trình, diện tích 2,54 héc ta;
- Đất xử lý chất thải, bãi thải : 02 công trình, diện tích 5,48 héc ta;
- Đất ở: 175 công trình, diện tích 557,24 héc ta, bao gồm:
 - + Đất ở nông thôn: 101 công trình, diện tích 287,57 héc ta;
 - + Đất ở đô thị: 74 công trình, diện tích 269,67 héc ta;
- Đất trụ sở cơ quan nhà nước: 03 công trình, diện tích 3,15 héc ta;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng: 01 công trình, diện tích 2,23 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 24 công trình, diện tích 4,22 héc ta;
- Đất Khu vui cho giải trí, sinh hoạt cộng đồng: 7 công trình, diện tích 9,85 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 09 công trình, diện tích 42,15 héc ta;
- Đất vật liệu gốm sứ: 01 công trình, diện tích 2,0 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 26 công trình, diện tích 23,66 héc ta;
- Đất thương mại - dịch vụ: 46 công trình, diện tích 72,23 héc ta.

Phụ lục IV

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2020/NĐ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án Nhà thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: tổng số có 1.490 công trình, với tổng diện tích là 10.173,05 héc ta; trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: có 43 công trình, diện tích 146,92 héc ta;
- Huyện Hoài Ân: có 53 công trình, diện tích 59,62 héc ta;
- Thị xã Hoài Nhơn: có 281 công trình, diện tích 1.570,80 héc ta;
- Huyện Phù Cát: có 122 công trình, diện tích 1.053,50 héc ta;
- Huyện Phù Mỹ: có 119 công trình, diện tích 977,05 héc ta;
- Huyện Tuy Phước: có 183 công trình, diện tích 941,65 héc ta;
- Huyện Tây Sơn: có 96 công trình, diện tích 860,72 héc ta;
- Huyện Vân Canh: có 49 công trình, diện tích 1.590,57 héc ta;
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 34 công trình, diện tích 105,47 héc ta;
- Thị xã An Nhơn: có 258 công trình, diện tích 659,82 héc ta;
- Thành phố Quy Nhơn: có 252 công trình, diện tích 2.207,32 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

a) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: có 20 công trình với diện tích là 416,33 héc ta, tại các địa phương

- Huyện Phù Mỹ: có 01 công trình, diện tích 223,04 héc ta;
- Thị xã An Nhơn: có 16 công trình, diện tích 151,73 héc ta;
- Thành phố Quy Nhơn: có 03 công trình, diện tích 41,56 héc ta.

b) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: có 1.470 công trình với diện tích là 9.756,72 héc ta, chia ra:

- Đất phát triển hạ tầng: có 738 công trình, diện tích 2.257,78 héc ta; bao gồm:

- + Đất cơ sở văn hóa: 19 công trình, diện tích 13,22 héc ta;
- + Đất cơ sở y tế: 17 công trình, diện tích 21,74 héc ta;
- + Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: 105 công trình, diện tích 53,52 héc ta;

- + Đất cơ sở thể dục - thể thao: 34 công trình, diện tích 24,62 héc ta;
- + Đất giao thông: 353 công trình, diện tích 1.172,77 héc ta;
- + Đất thủy lợi: 99 công trình, diện tích 282,24 héc ta;
- + Đất công trình năng lượng: 87 công trình, diện tích 674,04 héc ta;
- + Đất bưu chính - viễn thông: 04 công trình, diện tích 0,15 héc ta;
- + Đất xây dựng chợ: 20 công trình, diện tích 15,48 héc ta;
- Đất di tích lịch sử - văn hóa: 27 công trình, diện tích 21,33 héc ta;
- Đất xử lý chất thải, bãi thải: 16 công trình, diện tích 96,39 héc ta;
- Đất ở: 382 công trình, diện tích 3.554,83 héc ta; chia ra:
 - + Đất ở nông thôn: 151 công trình, diện tích 1.423,55 héc ta;
 - + Đất ở đô thị: 231 công trình, diện tích 2.131,28 héc ta;
- Đất trụ sở cơ quan: 17 công trình, diện tích 9,32 héc ta;
- Đất trụ sở công trình sự nghiệp: 08 công trình, diện tích 33 héc ta;
- Đất cơ sở tôn giáo: 03 công trình, diện tích 2,01 héc ta;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng: 54 công trình, diện tích 251,56 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 72 công trình, diện tích 18,94 héc ta;
- Đất khu vui chơi giải trí, sinh hoạt công cộng: 28 công trình, diện tích 33 héc ta;
- Đất Cụm Công nghiệp: 37 công trình, diện tích 1.109,09 héc ta;
- Đất Khu Công nghiệp: 05 công trình, diện tích 1.642,19 héc ta;
- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 13 công trình, diện tích 20,49 héc ta;
- Đất thương mại dịch vụ: 70 công trình, diện tích 706,77 héc ta./.